

Số: 839 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 04 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Phú Yên năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 15/02/2023 của UBND tỉnh về tuyển dụng công chức tỉnh Phú Yên năm 2023;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Phú Yên năm 2023 tại Báo cáo số 51/BC-HĐTDCC ngày 29/6/2023 (gửi kèm theo phụ lục kết quả kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Phú Yên năm 2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Phú Yên năm 2023 (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan để quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch, xếp lương đối với thí sinh trúng tuyển đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan và các ông, bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *anh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- HĐTDCC năm 2023;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, SNV, NC.

CHỦ TỊCH *chữ ký*



Tạ Anh Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỈNH PHÚ YÊN NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 839 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
A	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH													
I	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO													
	Vị trí Pháp chế: 01 chỉ tiêu													
1	TP.14	Nguyễn Trọng	Khiêm	28/11/1995	Pháp chế	Sở Giáo dục và Đào tạo			37.00			37.00	Không trúng tuyển	
2	TP.19	Lê Thị Quỳnh	Loan	20/06/1992	Pháp chế	Sở Giáo dục và Đào tạo			54.00			54.00	Không trúng tuyển	
3	TP.20	Trần Chi	Mai	27/09/1995	Pháp chế	Sở Giáo dục và Đào tạo			64.00			64.00	Trúng tuyển	
II	SỞ CÔNG THƯƠNG													
	Vị trí Quản lý kỹ thuật an toàn và môi trường: 01 chỉ tiêu													
1	CT.02	Lê Huy	Đạt	03/03/1984	Quản lý kỹ thuật an toàn và môi trường	Sở Công Thương			25.00			25.00	Không trúng tuyển	
2	CT.12	Phan Hồng	Tường	26/12/1994	Quản lý kỹ thuật an toàn và môi trường	Sở Công Thương			62.00			62.00	Trúng tuyển	
	Vị trí Quản lý cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: 01 chỉ tiêu													
1	CT.01	Nguyễn Phan Hoàng	Châu	30/01/1992	Quản lý cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Sở Công Thương			20.00			20.00	Không trúng tuyển	
2	CT.04	Phạm Ngọc Khánh	Huyền	07/04/1999	Quản lý cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Sở Công Thương			36.00			36.00	Không trúng tuyển	
3	CT.06	Trần Thị Thùy	Linh	07/12/1992	Quản lý cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Sở Công Thương			50.00			50.00	Trúng tuyển	
4	CT.11	Nguyễn Thị Hồng	Trang	19/06/1994	Quản lý cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Sở Công Thương			20.00			20.00	Không trúng tuyển	
III	SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH													
	Vị trí Hành chính - Tổng hợp: 01 chỉ tiêu													
1	HC.03	Lê Phong	Lan	24/11/1995	Hành chính - Tổng hợp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			78.00			78.00	Trúng tuyển	
2	HC.06	Huỳnh Thị Như	Mai	20/11/1996	Hành chính - Tổng hợp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			26.00			26.00	Không trúng tuyển	
3	HC.10	Nguyễn Bảo	Thoa	16/08/2000	Hành chính - Tổng hợp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			20.00			20.00	Không trúng tuyển	

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
4	HC.11	Huỳnh Thu Ngân	Thư	23/05/1997	Hành chính - Tổng hợp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			12.00			12.00	Không trúng tuyển	
5	HC.14	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	23/12/1989	Hành chính - Tổng hợp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			29.00			29.00	Không trúng tuyển	
6	HC.15	Trần Thị Kim	Trắng	06/12/2000	Hành chính - Tổng hợp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			27.00			27.00	Không trúng tuyển	
7	HC.16	Đoàn Thị Kim	Tuyển	27/11/2000	Hành chính - Tổng hợp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			30.00			30.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Thanh tra Sở: 02 chỉ tiêu														
1	TTR.01	Trần Quế	Anh	26/11/1998	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			53.00			53.00	Không trúng tuyển	
2	TTR.05	Ngô Tiểu Linh	Đan	19/12/1998	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			25.00			25.00	Không trúng tuyển	
3	TTR.07	Lê Thị Thủy	Điểm	15/09/1997	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			35.00			35.00	Không trúng tuyển	
4	TTR.11	Phạm Hồng	Hải	19/10/2000	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị		50.00	5.00		55.00	Không trúng tuyển	
5	TTR.12	Nguyễn Dương Út	Hạnh	02/09/1999	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			16.00			16.00	Không trúng tuyển	
6	TTR.15	Nguyễn Tâm	Hoàng	23/09/1996	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			26.00			26.00	Không trúng tuyển	
7	TTR.16	Phan Nữ Huỳnh	Huệ	07/12/2000	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			59.00			59.00	Trúng tuyển	
8	TTR.17	Hồ Thị Lệ	Huyền	10/12/1989	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Cảnh cáo	39.00		19.50	19.50	Không trúng tuyển	
9	TTR.20	Đỗ Thị Bích	Lê	10/08/1996	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			52.00			52.00	Không trúng tuyển	
10	TTR.22	Đặng Nguyễn Khánh	Ngân	29/08/1999	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Cảnh cáo	45.00		22.50	22.50	Không trúng tuyển	
11	TTR.25	Trương Cẩm	Nhung	06/10/1999	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			28.00			28.00	Không trúng tuyển	
12	TTR.27	Ksor	Phước	15/03/1998	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Người dân tộc thiểu số		21.00	5.00		26.00	Không trúng tuyển	
13	TTR.29	Lê My	Soôn	06/05/1997	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			26.00			26.00	Không trúng tuyển	
14	TTR.31	Phạm Lê Phương	Thảo	20/07/1998	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			35.00			35.00	Không trúng tuyển	
15	TTR.35	Trương Hoài	Thu	06/02/1992	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			39.00			39.00	Không trúng tuyển	
16	TTR.36	Lê Thị	Thu	10/10/1991	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			57.00			57.00	Trúng tuyển	

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
17	TTR.39	Bùi Phương	Thúy	08/11/1999	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			12.00			12.00	Không trúng tuyển	
18	TTR.40	Đàm Thúy Thủy	Tiên	18/06/1998	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			15.00			15.00	Không trúng tuyển	
19	TTR.41	Nguyễn Bảo	Trâm	09/03/1997	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			39.00			39.00	Không trúng tuyển	
20	TTR.42	Huỳnh Ngọc	Trân	10/01/1991	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			33.00			33.00	Không trúng tuyển	
21	TTR.45	Phạm Thị Ngọc	Tuyền	30/10/2000	Thanh tra Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			39.00			39.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Quản lý nhân sự và đội ngũ: 01 chỉ tiêu														
1	NV.18	Trà Băng	Tâm	25/07/1997	Quản lý nhân sự và đội ngũ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			16.00			16.00	Không trúng tuyển	
2	NV.21	Phạm Ý	Thị	14/07/1991	Quản lý nhân sự và đội ngũ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			77.00			77.00	Trúng tuyển	
3	NV.28	Nguyễn Văn	Viên	15/12/1999	Quản lý nhân sự và đội ngũ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			30.00			30.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Quản lý tổ chức - biên chế: 01 chỉ tiêu														
1	NV.04	Phan Quỳnh	Duyên	06/07/1993	Quản lý tổ chức - biên chế	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			59.00			59.00	Trúng tuyển	
2	NV.14	Đặng Thị Ánh	Như	03/05/1998	Quản lý tổ chức - biên chế	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			8.00			8.00	Không trúng tuyển	
3	NV.17	Trần Lê Diệu	Sinh	04/03/1999	Quản lý tổ chức - biên chế	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			25.00			25.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Quản lý thể dục, thể thao: 02 chỉ tiêu														
1	VHTTDL.21	Lương Công	Viên	20/01/1991	Quản lý thể dục, thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			70.00			70.00	Trúng tuyển	
Vị trí Quản lý du lịch: 02 chỉ tiêu														
1	VHTTDL.01	Trần Kiều	Dân	15/04/1989	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			28.00			28.00	Không trúng tuyển	
2	VHTTDL.02	Đỗ Trọng	Đạt	21/12/1999	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			24.00			24.00	Không trúng tuyển	
3	VHTTDL.03	Nguyễn Thị Mỹ	Diễm	09/06/1993	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			50.00			50.00	Không trúng tuyển	
4	VHTTDL.04	Lê Văn	Đức	03/06/2000	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			45.00			45.00	Không trúng tuyển	
5	VHTTDL.05	Đỗ Kim	Hà	25/06/1979	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			27.00			27.00	Không trúng tuyển	
6	VHTTDL.06	Đinh Thị	Hương	01/11/1989	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			25.00			25.00	Không trúng tuyển	

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
7	VHTTDL.07	Phạm Trường	Khang	10/05/1997	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			19.00			19.00	Không trúng tuyển	
8	VHTTDL.08	Đỗ Thị Kim	Lệ	02/09/1996	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch						0.00	Không trúng tuyển	Vắng thi
9	VHTTDL.09	Nguyễn Cam	Ly	21/04/1992	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			85.00			85.00	Trúng tuyển	
10	VHTTDL.10	Dương Quang	Phẩm	20/01/1998	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			22.00			22.00	Không trúng tuyển	
11	VHTTDL.11	Bùi Thị Như	Quỳnh	15/12/1993	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			51.00			51.00	Trúng tuyển	
12	VHTTDL.12	Lương Công	Thảo	21/09/1992	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Người hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân		31.00	2.50		33.50	Không trúng tuyển	
13	VHTTDL.13	Lê Công	Thọ	19/11/1976	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			23.00			23.00	Không trúng tuyển	
14	VHTTDL.14	Trịnh Thị Xuân	Thương	26/04/1993	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			20.00			20.00	Không trúng tuyển	
15	VHTTDL.15	Nguyễn Thị Lệ	Thúy	14/02/1989	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			45.00			45.00	Không trúng tuyển	
16	VHTTDL.16	Nguyễn Trịnh Phương	Trang	13/02/2000	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			15.00			15.00	Không trúng tuyển	
17	VHTTDL.17	Huỳnh Thị Minh	Trang	17/07/1997	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			20.00			20.00	Không trúng tuyển	
18	VHTTDL.18	Trần Thị	Trình	11/01/1995	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			50.00			50.00	Không trúng tuyển	
19	VHTTDL.19	Phạm Ngọc	Trung	28/06/1988	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			26.00			26.00	Không trúng tuyển	
20	VHTTDL.20	Huỳnh Thị Minh	Tuyền	23/10/1996	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			50.00			50.00	Không trúng tuyển	
21	VHTTDL.22	Đào Anh	Xuân	28/10/1979	Quản lý du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			25.00			25.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Quản lý Kế hoạch - Tài chính: 01 chỉ tiêu														
1	TC.04	Ngô Thị Minh	Hiển	07/10/1997	Quản lý Kế hoạch - Tài chính	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			25.00			25.00	Không trúng tuyển	
2	TC.15	Lê Thị Yến	Nguyệt	04/11/1994	Quản lý Kế hoạch - Tài chính	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			23.00			23.00	Không trúng tuyển	
3	TC.34	Nguyễn Vũ Quỳnh	Thương	29/03/1996	Quản lý Kế hoạch - Tài chính	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			24.00			24.00	Không trúng tuyển	
4	TC.41	Trần Thị Thủy	Trang	24/08/1990	Quản lý Kế hoạch - Tài chính	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			0.00			0.00	Không trúng tuyển	

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
5	TC.44	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	17/03/1986	Quản lý Kế hoạch - Tài chính	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			25.00			25.00	Không trúng tuyển	
IV	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI													
	Vị trí Pháp chế: 01 chỉ tiêu													
1	TP.21	Nguyễn Thanh	Nam	20/06/1990	Pháp chế	Sở Giao thông vận tải			87.00			87.00	Trúng tuyển	
2	TP.27	Lê Huỳnh	Như	16/10/1997	Pháp chế	Sở Giao thông vận tải			83.00			83.00	Không trúng tuyển	
3	TP.29	Đoàn Thị Hồng	Nữ	10/06/1996	Pháp chế	Sở Giao thông vận tải			32.00			32.00	Không trúng tuyển	
4	TP.39	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	25/02/1999	Pháp chế	Sở Giao thông vận tải			30.00			30.00	Không trúng tuyển	
	Vị trí Quản lý hạ tầng giao thông: 01 chỉ tiêu													
1	GTVT.03	Đình Viêt	Hùng	15/02/1989	Quản lý hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải			40.00			40.00	Không trúng tuyển	
2	GTVT.05	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	03/11/1984	Quản lý hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải			72.00			72.00	Trúng tuyển	
3	GTVT.08	Nguyễn Văn	Thiện	26/06/1992	Quản lý hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải			35.00			35.00	Không trúng tuyển	
	Vị trí Quản lý chất lượng công trình giao thông: 01 chỉ tiêu													
1	GTVT.02	Lương Thế	Đạt	01/11/1990	Quản lý chất lượng công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải			41.00			41.00	Không trúng tuyển	
2	GTVT.06	Đỗ Trường	Sơn	07/03/1995	Quản lý chất lượng công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải			6.00			6.00	Không trúng tuyển	
3	GTVT.07	Đoàn Trung	Thành	04/10/1993	Quản lý chất lượng công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải			42.00			42.00	Không trúng tuyển	
4	GTVT.10	Trần Ngọc	Triệu	25/06/1991	Quản lý chất lượng công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải						0.00	Không trúng tuyển	Vắng thi
V	BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ													
	Vị trí Quản lý Đầu tư và xúc tiến đầu tư: 01 chỉ tiêu													
1	KHĐT.08	Võ Thành	Hoan	01/01/1992	Quản lý Đầu tư và xúc tiến đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế			40.00			40.00	Không trúng tuyển	
2	KHĐT.09	Trương Minh	Hoàng	16/10/1990	Quản lý Đầu tư và xúc tiến đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế			45.00			45.00	Không trúng tuyển	
3	KHĐT.10	Phùng Thị	Hồng	05/03/1987	Quản lý Đầu tư và xúc tiến đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế			44.00			44.00	Không trúng tuyển	
4	KHĐT.12	Bùi Đức	Khiêm	12/04/1992	Quản lý Đầu tư và xúc tiến đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự		51.00	2.50		53.50	Trúng tuyển	

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
	Vị trí Quản lý Quy hoạch và xây dựng: 01 chỉ tiêu													
1	XD.07	Phạm Công	Sơn	29/05/1998	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế			35.00			35.00	Không trúng tuyển	
2	XD.08	Nguyễn Quang	Thắng	04/11/1994	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế			7.00			7.00	Không trúng tuyển	
VI	BAN DÂN TỘC													
	Vị trí Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc: 01 chỉ tiêu													
1	DT.01	R'Ô	H'MRI	02/03/1997	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Ban Dân tộc tỉnh	Người dân tộc thiểu số		45.00	5.00		50.00	Không trúng tuyển	
2	DT.02	Nguyễn Thị Thu	Hoài	02/06/1999	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Ban Dân tộc tỉnh			46.00			46.00	Không trúng tuyển	
3	DT.03	Cao Thị Trúc	Lâm	12/12/1989	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Ban Dân tộc tỉnh			75.00			75.00	Không trúng tuyển	
4	DT.04	Lê Bình	Minh	20/06/1997	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Ban Dân tộc tỉnh	Con thương binh		50.00	5.00		55.00	Không trúng tuyển	
5	DT.05	Sô Thị	Ngọc	05/11/1996	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Ban Dân tộc tỉnh	Người dân tộc thiểu số		79.00	5.00		84.00	Trúng tuyển	
6	DT.06	Niê Hồng	Nhi	01/06/1998	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Ban Dân tộc tỉnh	Người dân tộc thiểu số		22.00	5.00		27.00	Không trúng tuyển	
7	DT.07	Trần Quang	Phúc	01/01/1994	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Ban Dân tộc tỉnh			33.00			33.00	Không trúng tuyển	
8	DT.08	Đinh Thị Bảo	Trâm	03/03/1994	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Ban Dân tộc tỉnh			68.00			68.00	Không trúng tuyển	
9	DT.09	Phạm Tường	Vân	29/09/2000	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Ban Dân tộc tỉnh			48.00			48.00	Không trúng tuyển	
10	DT.10	Chế Thị Thủy	Văn	14/11/1992	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Ban Dân tộc tỉnh			22.00			22.00	Không trúng tuyển	
11	DT.11	Hồ Hồng	Vi	22/06/1990	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Ban Dân tộc tỉnh			54.00			54.00	Không trúng tuyển	
VII	SỞ TƯ PHÁP													
	Vị trí Theo dõi thi hành pháp luật: 01 chỉ tiêu													
1	TP.02	Hồ Ngọc Trần	Bảo	15/03/1997	Theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp			33.00			33.00	Không trúng tuyển	
2	TP.04	Nguyễn Sanh	Châu	09/10/1993	Theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp			71.00			71.00	Trúng tuyển	
3	TP.07	Tạ Hồng	Gấm	04/05/2000	Theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp						0.00	Không trúng tuyển	Vắng thi
4	TP.22	LMÔ HỒ	Nga	20/12/1998	Theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	Người dân tộc thiểu số		52.00	5.00		57.00	Không trúng tuyển	
5	TP.28	Phạm Thị Quỳnh	Như	05/03/1998	Theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp			52.00			52.00	Không trúng tuyển	

[illegible]

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
1	TP.08	Đoàn Lê Mỹ	Hạnh	02/01/1996	Pháp chế	Sở Kế hoạch và Đầu tư			30.00			30.00	Không trúng tuyển	
2	TP.10	Trịnh Thị Mỹ	Hòa	01/10/2000	Pháp chế	Sở Kế hoạch và Đầu tư			10.00			10.00	Không trúng tuyển	
3	TP.12	Nguyễn Xuân	Hung	03/07/1998	Pháp chế	Sở Kế hoạch và Đầu tư			56.00			56.00	Trúng tuyển	
4	TP.13	Đặng Quang	Huy	07/11/2000	Pháp chế	Sở Kế hoạch và Đầu tư			41.00			41.00	Không trúng tuyển	
5	TP.15	Võ Hữu	Lành	03/08/1994	Pháp chế	Sở Kế hoạch và Đầu tư			26.00			26.00	Không trúng tuyển	
6	TP.17	Lê Nguyễn Trúc	Linh	18/11/2000	Pháp chế	Sở Kế hoạch và Đầu tư			26.00			26.00	Không trúng tuyển	
7	TP.31	Phan Thị Minh	Phương	17/02/1999	Pháp chế	Sở Kế hoạch và Đầu tư			23.00			23.00	Không trúng tuyển	
8	TP.33	Lê Hoàng	Thân	15/07/1992	Pháp chế	Sở Kế hoạch và Đầu tư			50.00			50.00	Không trúng tuyển	
9	TP.35	Ngô Thị Ái	Thị	16/12/1997	Pháp chế	Sở Kế hoạch và Đầu tư			42.00			42.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Tổng hợp kinh tế xã hội: 01 chỉ tiêu														
1	KHĐT.06	Nguyễn Thị Thu	Duyên	14/04/2000	Tổng hợp kinh tế xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư			60.00			60.00	Trúng tuyển	
Vị trí Quản lý kế hoạch và đầu tư: 01 chỉ tiêu														
1	KHĐT.02	Huỳnh Thị Hồng	Chính	28/08/1994	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư			22.00			22.00	Không trúng tuyển	
2	KHĐT.05	Huỳnh Đình	Dự	25/01/1990	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư			26.00			26.00	Không trúng tuyển	
3	KHĐT.15	Lê Thị Kiên	Nhi	06/10/1989	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư						0.00	Không trúng tuyển	Vắng thi
XI	SỞ TÀI CHÍNH													
Vị trí Quản lý ngân sách: 01 chỉ tiêu														
1	TC.03	Ngô Thị Thu	Hào	25/01/1992	Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	Con thương binh		52.00	5.00		57.00	Trúng tuyển	
2	TC.29	Trần Thị Như	Thoa	28/08/1993	Quản lý ngân sách	Sở Tài chính			30.00			30.00	Không trúng tuyển	
3	TC.49	Lê Anh	Vũ	25/03/1995	Quản lý ngân sách	Sở Tài chính			40.00			40.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Quản lý giá và thẩm định giá: 01 chỉ tiêu														
1	TC.38	Nguyễn Thanh	Tĩnh	11/02/1990	Quản lý giá và thẩm định giá	Sở Tài chính			8.00			8.00	Không trúng tuyển	

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
2	TC.39	Ngô Kỳ An	Trâm	10/09/1993	Quản lý giá và thẩm định giá	Sở Tài chính	Con thương binh		31.00	5.00		36.00	Không trúng tuyển	
3	TC.09	Phạm Thị Mỹ	Kim	10/03/1991	Quản lý giá và thẩm định giá	Sở Tài chính			62.00			62.00	Trúng tuyển	
Vị trí Quản lý tài chính đầu tư: 01 chỉ tiêu														
1	TC.11	Võ Hùng	Linh	01/08/1993	Quản lý tài chính đầu tư	Sở Tài chính			34.00			34.00	Không trúng tuyển	
2	TC.17	Huỳnh Thị Diễm	Phúc	05/01/2001	Quản lý tài chính đầu tư	Sở Tài chính			53.00			53.00	Không trúng tuyển	
3	TC.18	Nguyễn Thị Oanh	Phương	17/04/1988	Quản lý tài chính đầu tư	Sở Tài chính			55.00			55.00	Không trúng tuyển	
4	TC.28	Nguyễn Trung	Thiện	01/06/1989	Quản lý tài chính đầu tư	Sở Tài chính			60.00			60.00	Trúng tuyển	
5	TC.32	Lê Tỳ Bảo	Thư	05/05/1994	Quản lý tài chính đầu tư	Sở Tài chính			16.00			16.00	Không trúng tuyển	
6	TC.50	Nguyễn Đỗ Anh	Vũ	04/01/1983	Quản lý tài chính đầu tư	Sở Tài chính			58.00			58.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Quản lý Tài chính hành chính sự nghiệp: 01 chỉ tiêu														
1	TC.02	Lê Thị Thu	Hà	25/09/1989	Quản lý Tài chính hành chính sự nghiệp	Sở Tài chính			21.00			21.00	Không trúng tuyển	
2	TC.13	Nguyễn Thị Minh	Loan	26/03/1989	Quản lý Tài chính hành chính sự nghiệp	Sở Tài chính			40.00			40.00	Không trúng tuyển	
3	TC.19	Nguyễn Trúc	Phương	17/12/1992	Quản lý Tài chính hành chính sự nghiệp	Sở Tài chính			25.00			25.00	Không trúng tuyển	
4	TC.33	Đặng Anh	Thư	10/06/2000	Quản lý Tài chính hành chính sự nghiệp	Sở Tài chính			39.00			39.00	Không trúng tuyển	
5	TC.40	Phan Quỳnh	Trâm	21/09/1995	Quản lý Tài chính hành chính sự nghiệp	Sở Tài chính			17.00			17.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Quản lý tài chính doanh nghiệp: 02 chỉ tiêu														
1	TC.01	Ngô Thuý	Dung	04/11/1999	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính			0.00			0.00	Không trúng tuyển	
2	TC.05	Trần Trọng	Hữu	04/03/1997	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính			45.00			45.00	Không trúng tuyển	
3	TC.06	Hồ Xuân	Huy	02/02/1991	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính			41.00			41.00	Không trúng tuyển	
4	TC.10	Lê Quốc	Lân	14/06/2000	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính			18.00			18.00	Không trúng tuyển	
5	TC.12	Đào Thị Khánh	Linh	09/01/1997	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính			30.00			30.00	Không trúng tuyển	

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
6	TC.20	Mai Như	Quỳnh	23/05/1999	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính			53.00			53.00	Không trúng tuyển	
7	TC.21	Ngô Thị Thu	Sang	15/08/1988	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính			62.00			62.00	Không trúng tuyển	
8	TC.22	Nguyễn Đức	Thành	28/01/1990	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính			68.00			68.00	Trúng tuyển	
9	TC.23	Trương Thị Minh	Thảo	30/01/1990	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính			50.00			50.00	Không trúng tuyển	
10	TC.26	Nguyễn Thị Bích	Thị	25/04/1995	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính			31.00			31.00	Không trúng tuyển	
11	TC.31	Nguyễn Phú Hoài	Thu	12/10/1994	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính			76.00			76.00	Trúng tuyển	
12	TC.42	Trương Tổ	Trình	30/10/1994	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính			36.00			36.00	Không trúng tuyển	
13	TC.43	Phan Anh	Tú	24/08/1996	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính			0.00			0.00	Không trúng tuyển	
14	TC.46	Trương Tú	Uyên	26/08/2000	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính			20.00			20.00	Không trúng tuyển	
15	TC.47	Hà Thị Thanh	Vân	17/04/1999	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính						0.00	Không trúng tuyển	Vắng thi
	Vị trí Thanh tra: 01 chỉ tiêu													
1	TTR.02	Lê Thị Ngọc	Ánh	19/06/1993	Thanh tra	Sở Tài chính			74.00			74.00	Trúng tuyển	
2	TTR.50	Nguyễn Hoàng	Yến	29/01/2000	Thanh tra	Sở Tài chính			50.00			50.00	Không trúng tuyển	
	Vị trí Pháp chế: 01 chỉ tiêu													
1	TP.05	Nguyễn Thị Thu	Đào	25/05/1996	Pháp chế	Sở Tài chính			34.00			34.00	Không trúng tuyển	
2	TP.24	Lê Vũ Trang	Nhi	05/02/1999	Pháp chế	Sở Tài chính			43.00			43.00	Không trúng tuyển	
XII	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG													
	Vị trí Hành chính tổng hợp: 01 chỉ tiêu													
1	HC.04	Nguyễn Vũ	Linh	16/04/1989	Hành chính tổng hợp	Sở Tài nguyên và Môi trường			7.00			7.00	Không trúng tuyển	
2	HC.08	Lê Như	Quỳnh	09/01/1992	Hành chính tổng hợp	Sở Tài nguyên và Môi trường			54.00			54.00	Trúng tuyển	
3	HC.09	Nguyễn Ngọc Như	Son	01/02/1985	Hành chính tổng hợp	Sở Tài nguyên và Môi trường			50.00			50.00	Không trúng tuyển	
	Vị trí Thẩm định và đánh giá tác động môi trường: 01 chỉ tiêu													
1	TNMT.01	Hoàng Thị Ngọc	Anh	05/08/1986	Thẩm định và đánh giá tác động môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường			41.00			41.00	Không trúng tuyển	
2	TNMT.07	Lê Ngọc	Khánh	27/02/1990	Thẩm định và đánh giá tác động môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường			21.00			21.00	Không trúng tuyển	

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy.	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
3	TNMT.13	Võ Thị Hồng	Nguyễn	12/02/1988	Thẩm định và đánh giá tác động môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường			39.00			39.00	Không trúng tuyển	
4	TNMT.18	Trần Anh	Phượng	28/02/1995	Thẩm định và đánh giá tác động môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường			22.00			22.00	Không trúng tuyển	
5	TNMT.27	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	28/01/1997	Thẩm định và đánh giá tác động môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường			25.00			25.00	Không trúng tuyển	
6	TNMT.32	Lương Thị Thục	Uyên	08/06/1998	Thẩm định và đánh giá tác động môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường			27.00			27.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Thẩm định giá đất: 01 chỉ tiêu														
1	TNMT.02	Nguyễn Đình	Cần	03/02/1989	Thẩm định giá đất	Sở Tài nguyên và Môi trường			30.00			30.00	Không trúng tuyển	
2	TNMT.15	Hoàng Thị Kim	Oanh	05/04/1998	Thẩm định giá đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	Người dân tộc thiểu số					0.00	Không trúng tuyển	Vắng thi
Vị trí Quản lý quy hoạch, sử dụng đất đai: 01 chỉ tiêu														
1	TNMT.04	Lê Quang	Hưng	16/03/1991	Quản lý quy hoạch, sử dụng đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường			25.00			25.00	Không trúng tuyển	
2	TNMT.09	Nguyễn Thị Hồng	Mi	20/06/2000	Quản lý quy hoạch, sử dụng đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường			41.00			41.00	Không trúng tuyển	
3	TNMT.10	KSOR	NÁP	29/09/1996	Quản lý quy hoạch, sử dụng đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Người dân tộc thiểu số		22.00	5.00		27.00	Không trúng tuyển	
4	TNMT.19	Hồ Thị Hoài	Phượng	22/04/1998	Quản lý quy hoạch, sử dụng đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường			8.00			8.00	Không trúng tuyển	
5	TNMT.22	Lê Nguyễn Phương	Thảo	26/05/1997	Quản lý quy hoạch, sử dụng đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường			31.00			31.00	Không trúng tuyển	
6	TNMT.36	Đặng Thị Hải	Yến	08/07/1994	Quản lý quy hoạch, sử dụng đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường			40.00			40.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Quản lý đo đạc và bản đồ: 01 chỉ tiêu														
1	TNMT.17	Nguyễn Ngọc	Phú	16/02/1995	Quản lý đo đạc và bản đồ	Sở Tài nguyên và Môi trường			35.00			35.00	Không trúng tuyển	
XIII SỞ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI														
Vị trí Tổ chức nhân sự: 01 chỉ tiêu														
1	NV02	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	24/09/1988	Tổ chức nhân sự	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			18.00			18.00	Không trúng tuyển	
2	NV.03	Nguyễn Mỹ Ngọc	Diệp	28/04/1996	Tổ chức nhân sự	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			30.00			30.00	Không trúng tuyển	

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
3	NV.08	Huỳnh Hồng	Hoàng	02/10/1999	Tổ chức nhân sự	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			20.00			20.00	Không trúng tuyển	
4	NV.09	Nguyễn Thị	Huệ	04/04/1996	Tổ chức nhân sự	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			32.00			32.00	Không trúng tuyển	
5	NV.11	Huỳnh Thị Đoàn	Khuê	01/01/1992	Tổ chức nhân sự	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Con thương binh		0.00	5.00		5.00	Không trúng tuyển	
6	NV.19	Nguyễn Tấn	Thành	12/02/2000	Tổ chức nhân sự	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			52.00			52.00	Trúng tuyển	
7	NV.20	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/11/1996	Tổ chức nhân sự	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			17.00			17.00	Không trúng tuyển	
8	NV.24	Phạm Đoàn Huyền	Trần	28/02/1995	Tổ chức nhân sự	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			25.00			25.00	Không trúng tuyển	
9	NV.32	Phạm Kim Xuân	Ý	07/03/2001	Tổ chức nhân sự	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			22.00			22.00	Không trúng tuyển	
	Vị trí Quản lý chính sách người có công: 01 chỉ tiêu													
1	LĐTBXH. 01	Nguyễn Hải Ngân	Giang	23/09/1990	Quản lý chính sách người có công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			68.00			68.00	Không trúng tuyển	
2	LĐTBXH. 05	Nguyễn Thị Thu	Hương	05/08/1994	Quản lý chính sách người có công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Con thương binh		21.00	5.00		26.00	Không trúng tuyển	
3	LĐTBXH. 06	Ngô Thị Hồng	Khương	03/05/1997	Quản lý chính sách người có công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			69.00			69.00	Trúng tuyển	
4	LĐTBXH. 07	Tạ Thị Kim	Liễu	10/12/1991	Quản lý chính sách người có công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			56.00			56.00	Không trúng tuyển	
5	LĐTBXH. 17	Trần Thị Thu	Thảo	30/06/1993	Quản lý chính sách người có công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Con của người được hưởng chính sách như thương binh		13.00	5.00		18.00	Không trúng tuyển	
6	LĐTBXH. 21	Nguyễn Thị Thanh	Thương	31/07/1991	Quản lý chính sách người có công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			54.00			54.00	Không trúng tuyển	
7	LĐTBXH. 22	Nguyễn Trần Nhật	Thùy	14/04/1999	Quản lý chính sách người có công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			26.00			26.00	Không trúng tuyển	
8	LĐTBXH. 27	La Thị	Xuyên	16/06/1997	Quản lý chính sách người có công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Người dân tộc thiểu số		28.00	5.00		33.00	Không trúng tuyển	
	Vị trí Quản lý tiền lương: 01 chỉ tiêu													
1	LĐTBXH. 02	Lê Thị Thúy	Hiền	25/06/1988	Quản lý tiền lương	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Con thương binh		70.00	5.00		75.00	Trúng tuyển	
2	LĐTBXH. 10	Phạm Thị Thu	Nhi	22/12/1993	Quản lý tiền lương	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			24.00			24.00	Không trúng tuyển	
3	LĐTBXH. 16	Nguyễn Tấn	Quý	27/01/1992	Quản lý tiền lương	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			25.00			25.00	Không trúng tuyển	
4	LĐTBXH. 24	Đào Thị Thanh	Thùy	26/12/1979	Quản lý tiền lương	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Con thương binh	Khiển trách	41.00	5.00	10.25	35.75	Không trúng tuyển	

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
5	LĐTBXH. 25	Bùi Thị Mỹ	Trang	04/08/1989	Quản lý tiền lương	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			51.00			51.00	Không trúng tuyển	
	Vị trí Quản lý Bảo hiểm xã hội: 01 chỉ tiêu													
1	LĐTBXH. 13	Nguyễn Thị	Phi	20/10/1990	Quản lý Bảo hiểm xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			36.00			36.00	Không trúng tuyển	
2	LĐTBXH.20	Phan Thị Mai	Thom	02/12/1998	Quản lý Bảo hiểm xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			43.00			43.00	Không trúng tuyển	
3	LĐTBXH. 26	Tô Thị Thanh	Trang	14/06/1995	Quản lý Bảo hiểm xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			28.00			28.00	Không trúng tuyển	
	Vị trí Thanh tra: 01 chỉ tiêu													
1	TTR.03	Nguyễn Thị Kim	Ánh	14/11/1997	Thanh tra	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			59.00			59.00	Không trúng tuyển	
2	TTR.06	Nguyễn Kiều	Diễm	28/02/1993	Thanh tra	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			39.00			39.00	Không trúng tuyển	
3	TTR.18	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	28/07/2000	Thanh tra	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			40.00			40.00	Không trúng tuyển	
4	TTR.24	Trương Thị Ánh	Nguyệt	09/06/1998	Thanh tra	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			43.00			43.00	Không trúng tuyển	
5	TTR.28	Lưu Cao	Son	24/12/1997	Thanh tra	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			0.00			0.00	Không trúng tuyển	
6	TTR.37	Đặng Huỳnh Anh	Thư	17/03/1999	Thanh tra	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			67.00			67.00	Trúng tuyển	
7	TTR.47	Hà Tường	Vi	10/07/1997	Thanh tra	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			39.00			39.00	Không trúng tuyển	
8	TTR.48	Vô Lê Lan	Vy	05/11/2000	Thanh tra	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			55.00			55.00	Không trúng tuyển	
	Vị trí Phòng chống tệ nạn xã hội: 01 chỉ tiêu													
1	LĐTBXH. 08	Trần Nguyễn Bảo	Ngọc	08/05/1995	Phòng chống tệ nạn xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			32.00			32.00	Không trúng tuyển	
2	LĐTBXH. 09	Hồ Lê	Nhân	29/09/1997	Phòng chống tệ nạn xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			53.00			53.00	Trúng tuyển	
3	LĐTBXH. 11	Đỗ Quỳnh	Như	16/11/1998	Phòng chống tệ nạn xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			39.00			39.00	Không trúng tuyển	
4	LĐTBXH. 14	Phan Hoàng Mỹ	Phụng	12/11/1996	Phòng chống tệ nạn xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			40.00			40.00	Không trúng tuyển	
5	LĐTBXH. 15	Phạm Minh	Phước	01/06/1991	Phòng chống tệ nạn xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			42.00			42.00	Không trúng tuyển	

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
6	LĐT BXH. 18	Huỳnh Thị	Thào	20/10/1994	Phòng chống tệ nạn xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			18.00			18.00	Không trúng tuyển	
7	LĐT BXH. 19	Trịnh Kim	Thào	14/08/1995	Phòng chống tệ nạn xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			0.00			0.00	Không trúng tuyển	
8	LĐT BXH. 23	Trần Thị Lê	Thủy	02/07/1989	Phòng chống tệ nạn xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			51.00			51.00	Không trúng tuyển	
XIV	SỞ XÂY DỰNG													
	Vị trí Quản Lý Kiến Trúc & Quy Hoạch: 01 chỉ tiêu													
1	XD.10	Ngô Thị Thanh	Tuyền	06/02/1988	Quản Lý Kiến Trúc & Quy Hoạch	Sở Xây dựng			36.00			36.00	Không trúng tuyển	
	Vị trí Quản lý hoạt động xây dựng: 01 chỉ tiêu													
1	XD.02	Bùi Xuân	Lâm	15/02/1984	Quản lý hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng			70.00			70.00	Trúng tuyển	
	Vị trí Quản lý Nhà & Thị trường Bất Động Sản: 01 chỉ tiêu													
1	XD.01	Trịnh Trung	Hiếu	14/02/1993	Quản lý Nhà & Thị trường Bất Động Sản	Sở Xây dựng			54.00			54.00	Không trúng tuyển	
2	XD.06	Trần Đắc Hoàng	Quý	13/04/1987	Quản lý Nhà & Thị trường Bất Động Sản	Sở Xây dựng			68.00			68.00	Trúng tuyển	
3	XD.11	Nguyễn Thị Hoàng	Tuyền	20/12/1992	Quản lý Nhà & Thị trường Bất Động Sản	Sở Xây dựng			24.00			24.00	Không trúng tuyển	
4	XD.12	Huỳnh Nguyên	Vĩ	20/06/1991	Quản lý Nhà & Thị trường Bất Động Sản	Sở Xây dựng			17.00			17.00	Không trúng tuyển	
5	XD.13	Trương Quốc	Vương	24/11/1997	Quản lý Nhà & Thị trường Bất Động Sản	Sở Xây dựng			7.00			7.00	Không trúng tuyển	
XV	SỞ Y TẾ													
	Vị trí Quản lý Nghiệp vụ Dược: 01 chỉ tiêu													
1	YT.01	Nguyễn Minh	Hào	16/03/1991	Quản lý Nghiệp vụ Dược	Sở Y tế			40.00			40.00	Không trúng tuyển	
2	YT.04	Lê Nữ Thu	Uyên	06/11/1996	Quản lý Nghiệp vụ Dược	Sở Y tế			64.00			64.00	Trúng tuyển	
	Vị trí Thanh tra: 01 chỉ tiêu													
1	TTR.08	Nguyễn Thị	Điện	20/07/1991	Thanh tra	Sở Y tế						0.00	Không trúng tuyển	Vắng thi
2	TTR.14	Nguyễn Đình Minh	Hiếu	27/11/1996	Thanh tra	Sở Y tế			34.00			34.00	Không trúng tuyển	
3	TTR.26	Nguyễn Lê Hữu	Phúc	12/02/1993	Thanh tra	Sở Y tế			47.00			47.00	Không trúng tuyển	

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
4	TTR.43	Phạm Thị Thanh	Trang	12/03/1986	Thanh tra	Sở Y tế			43.00			43.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Quản lý Quy hoạch-Kế hoạch: 01 chỉ tiêu														
1	KHĐT.03	Nguyễn Ngọc	Đa	06/10/1984	Quản lý Quy hoạch-Kế hoạch	Sở Y tế			61.00			61.00	Trúng tuyển	
2	KHĐT.07	Nguyễn Thị Hoàng	Hào	15/11/1999	Quản lý Quy hoạch-Kế hoạch	Sở Y tế			5.00			5.00	Không trúng tuyển	
3	KHĐT.16	Lê Thị Thanh	Phượng	19/03/1996	Quản lý Quy hoạch-Kế hoạch	Sở Y tế			59.00			59.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Quản lý An toàn thực phẩm: 01 chỉ tiêu														
1	YT.02	Trương Ngọc	Liên	30/03/1993	Quản lý An toàn thực phẩm	Sở Y tế			50.00			50.00	Trúng tuyển	
2	YT.03	Phạm Lan	Phượng	27/05/1991	Quản lý An toàn thực phẩm	Sở Y tế			43.00			43.00	Không trúng tuyển	
XVI	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN													
Vị trí Pháp chế thuộc Văn phòng số: 01 chỉ tiêu														
1	TP.18	Lương Thảo	Linh	06/11/1999	Pháp chế	Sở Nông nghiệp và PTNT			32.00			32.00	Không trúng tuyển	
2	TP.23	Phan Thị Thủy	Ngân	30/06/1998	Pháp chế	Sở Nông nghiệp và PTNT			15.00			15.00	Không trúng tuyển	
3	TP.25	Nguyễn Thị Út	Nhi	19/09/1999	Pháp chế	Sở Nông nghiệp và PTNT			36.00			36.00	Không trúng tuyển	
4	TP.30	Đỗ Tấn	Phong	17/09/1997	Pháp chế	Sở Nông nghiệp và PTNT			32.00			32.00	Không trúng tuyển	
5	TP.34	Nguyễn Thị Hồng	Thảo	24/08/1997	Pháp chế	Sở Nông nghiệp và PTNT			13.00			13.00	Không trúng tuyển	
6	TP.40	Nguyễn Thị Bích	Trâm	17/02/2000	Pháp chế	Sở Nông nghiệp và PTNT			25.00			25.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Công nghệ thông tin: 01 chỉ tiêu														
1	CNTT.02	Võ Kim	Thông	02/01/1991	Công nghệ thông tin	Sở Nông nghiệp và PTNT			50.00			50.00	Trúng tuyển	
Vị trí Quản lý xây dựng công trình thủy lợi và Nước sạch nông thôn: 01 chỉ tiêu														
1	TL.07	Phạm Tiến	Thịnh	17/04/1994	Quản lý xây dựng công trình thủy lợi và Nước sạch nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT			21.00			21.00	Không trúng tuyển	
2	TL.09	Lê Chí	Tiến	27/11/1986	Quản lý xây dựng công trình thủy lợi và Nước sạch nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT			73.00			73.00	Trúng tuyển	

[illegible]

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
1	TL.04	Nguyễn Bình	Nguyễn	25/11/1997	Quản lý đề điều và phòng chống lụt bão	Sở Nông nghiệp và PTNT			23.00			23.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Quản lý Công trình thủy lợi và Nước sạch nông thôn: 02 chỉ tiêu														
1	TL.01	Đặng Thị Thu	Hằng	01/05/1989	Quản lý công trình thủy lợi và Nước sạch nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT			57.00			57.00	Trúng tuyển	
2	TL.03	Đinh Thị Hoài	Linh	18/03/1994	Quản lý công trình thủy lợi và Nước sạch nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT			36.00			36.00	Không trúng tuyển	
3	TL.10	Võ Thị Kim	Tri	01/01/1982	Quản lý công trình thủy lợi và Nước sạch nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT			10.00			10.00	Không trúng tuyển	
4	TL.11	Nguyễn Mạnh	Tường	06/02/1996	Quản lý công trình thủy lợi và Nước sạch nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT			7.00			7.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Văn phòng điều phối nông thôn mới: 01 chỉ tiêu														
1	NLNTM.08	Phạm Thị Hạnh	Tiên	02/02/1996	VP điều phối nông thôn mới (Theo dõi công tác xây dựng NTM)	Sở Nông nghiệp và PTNT			28.00			28.00	Không trúng tuyển	
2	NLNTM.09	Lâm Hồng	Trâm	20/03/1987	VP điều phối nông thôn mới (Theo dõi công tác xây dựng NTM)	Sở Nông nghiệp và PTNT			50.00			50.00	Không trúng tuyển	
3	NLNTM.18	Nguyễn Thị Tường	Vi	01/09/2000	VP điều phối nông thôn mới (Theo dõi công tác xây dựng NTM)	Sở Nông nghiệp và PTNT			65.00			65.00	Trúng tuyển	
4	NLNTM.19	Trần Nguyễn Huyền	Vũ	21/08/1997	VP điều phối nông thôn mới (Theo dõi công tác xây dựng NTM)	Sở Nông nghiệp và PTNT			62.00			62.00	Không trúng tuyển	
XVII SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG														
Vị trí Công nghệ thông tin: 01 chỉ tiêu														
1	CNTT.01	Huỳnh Công	Phú	06/11/1987	Quản lý Công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông			65.00			65.00	Trúng tuyển	
Vị trí Pháp chế: 01 chỉ tiêu														
1	TP.03	Nguyễn Thị Phú	Bình	10/06/1996	Pháp chế	Sở Thông tin và Truyền thông			31.00			31.00	Không trúng tuyển	
2	TP.06	Lê Thị Thủy	Dung	20/10/1998	Pháp chế	Sở Thông tin và Truyền thông			34.00			34.00	Không trúng tuyển	
3	TP.38	Nguyễn Ngọc Như	Tiên	10/15/1999	Pháp chế	Sở Thông tin và Truyền thông			56.00			56.00	Trúng tuyển	
Vị trí Quản lý Kế hoạch - Tài chính: 01 chỉ tiêu														
1	TC.08	Nguyễn Diệu	Huyền	14/04/1987	Quản lý Kế hoạch - Tài chính	Sở Thông tin và Truyền thông			37.00			37.00	Không trúng tuyển	

[illegible]

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
I	UBND huyện Phú Hòa													
	Vị trí Quản lý Tổ chức- Biên chế và Hội: 01 chỉ tiêu													
1	NV.06	Nguyễn Phùng Đông	Hậu	22/11/1998	Quản lý Tổ chức- Biên chế và Hội	UBND huyện Phú Hòa			5.00			5.00	Không trúng tuyển	
2	NV.22	Trần Bích	Thuân	05/12/2000	Quản lý Tổ chức- Biên chế và Hội	UBND huyện Phú Hòa			36.00			36.00	Không trúng tuyển	
3	NV.26	Bùi Công Tuấn	Tú	10/02/1997	Quản lý Tổ chức- Biên chế và Hội	UBND huyện Phú Hòa			65.00			65.00	Trúng tuyển	
4	NV.29	Võ Phúc	Vinh	20/03/1995	Quản lý Tổ chức- Biên chế và Hội	UBND huyện Phú Hòa			22.00			22.00	Không trúng tuyển	
	Vị trí Theo dõi phổ cập, giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp: 01 chỉ tiêu													
1	GDDT.01	Trần Thị Phi	Án	02/09/1993	Theo dõi phổ cập, giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp	UBND huyện Phú Hòa			50.00			50.00	Trúng tuyển	
2	GDDT.08	Nguyễn Thị	Ngọc	01/04/1989	Theo dõi phổ cập, giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp	UBND huyện Phú Hòa			45.00			45.00	Không trúng tuyển	
	Vị trí Quản lý kế hoạch và đầu tư: 01 chỉ tiêu													
1	KHĐT.01	Lương Quang	Bình	07/08/1996	Quản lý kế hoạch và đầu tư	UBND huyện Phú Hòa			54.00			54.00	Trúng tuyển	
	Vị trí Quản lý công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp: 01 chỉ tiêu													
1	CT.03	Võ Hồng	Hoan	27/03/1988	Quản lý công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp	UBND huyện Phú Hòa			38.00			38.00	Không trúng tuyển	
2	CT.10	Bùi Văn Kim	Thanh	03/09/1975	Quản lý công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp	UBND huyện Phú Hòa			53.00			53.00	Trúng tuyển	
II	UBND huyện Sông Hinh													
	Vị trí Quản lý Thông tin - truyền thông: 01 chỉ tiêu													
1	TTTT.02	Đặng Trần	Đại	02/09/1990	Quản lý Thông tin - truyền thông	UBND huyện Sông Hinh			19.00			19.00	Không trúng tuyển	
2	TTTT.03	Hà Thị Mỹ	Liên	20/07/1988	Quản lý Thông tin - truyền thông	UBND huyện Sông Hinh			56.00			56.00	Không trúng tuyển	
3	TTTT.04	Trần Trọng	Trung	06/09/1989	Quản lý Thông tin - truyền thông	UBND huyện Sông Hinh			72.00			72.00	Trúng tuyển	
	Vị trí Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản: 01 chỉ tiêu													
1	TNMT.14	Ksor Hờ	Nguyệt	25/05/1997	Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản	UBND huyện Sông Hinh	Người dân tộc thiểu số		38.00	5.00		43.00	Không trúng tuyển	
2	TNMT.16	Võ Sô	PhiLíp	13/09/1992	Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản	UBND huyện Sông Hinh			55.00			55.00	Không trúng tuyển	
3	TNMT.24	Lê Thị Hoài	Thơ	20/11/1995	Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản	UBND huyện Sông Hinh			18.00			18.00	Không trúng tuyển	

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
4	TNMT.26	Hưng Hờ	Tiên	17/12/1999	Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản	UBND huyện Sông Hinh	Người dân tộc thiểu số		20.00	5.00		25.00	Không trúng tuyển	
5	TNMT.33	Tô Minh	Vân	07/11/1982	Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản	UBND huyện Sông Hinh			60.00			60.00	Trúng tuyển	
6	TNMT.35	Trần Văn	Ý	07/04/1997	Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản	UBND huyện Sông Hinh			50.00			50.00	Không trúng tuyển	
III	UBND thành phố Tuy Hòa													
	Vị trí Quản lý kế hoạch và đầu tư: 01 chỉ tiêu													
1	KHĐT.04	Nguyễn Quốc	Danh	25/11/1978	Quản lý kế hoạch và đầu tư	UBND thành phố Tuy Hòa			62.00			62.00	Trúng tuyển	
	Vị trí Quản lý đất đai: 02 chỉ tiêu													
1	TNMT.08	Nguyễn Anh	Kiệt	14/08/1991	Quản lý đất đai	UBND thành phố Tuy Hòa			36.00			36.00	Không trúng tuyển	
2	TNMT.23	Nguyễn Thị Minh	Thảo	04/09/1993	Quản lý đất đai	UBND thành phố Tuy Hòa			17.00			17.00	Không trúng tuyển	
3	TNMT.28	Võ Thị Thúy	Trình	20/01/1996	Quản lý đất đai	UBND thành phố Tuy Hòa			34.00			34.00	Không trúng tuyển	
4	TNMT.34	Trần Nguyễn Hoàng	Vũ	12/12/1994	Quản lý đất đai	UBND thành phố Tuy Hòa			20.00			20.00	Không trúng tuyển	
	Vị trí Quản lý môi trường: 01 chỉ tiêu													
1	TNMT.03	Võ Trọng	Đại	17/02/1995	Quản lý môi trường	UBND thành phố Tuy Hòa			40.00			40.00	Không trúng tuyển	
2	TNMT.06	Phạm Nguyệt	Kha	20/04/1995	Quản lý môi trường	UBND thành phố Tuy Hòa			26.00			26.00	Không trúng tuyển	
3	TNMT.11	Phạm Thị Ngọc	Nga	04/03/1987	Quản lý môi trường	UBND thành phố Tuy Hòa			50.00			50.00	Không trúng tuyển	
4	TNMT.12	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	23/01/1985	Quản lý môi trường	UBND thành phố Tuy Hòa			37.00			37.00	Không trúng tuyển	
5	TNMT.20	Lê Duy	Phương	18/02/1997	Quản lý môi trường	UBND thành phố Tuy Hòa	Con thương binh		25.00	5.00		30.00	Không trúng tuyển	
6	TNMT.21	Trần Đức	Tâm	19/10/1988	Quản lý môi trường	UBND thành phố Tuy Hòa			32.00			32.00	Không trúng tuyển	
7	TNMT.25	Lê Thị Cẩm	Thu	23/02/1998	Quản lý môi trường	UBND thành phố Tuy Hòa			50.00			50.00	Trúng tuyển	
8	TNMT.29	Trương Trung	Trực	01/11/1982	Quản lý môi trường	UBND thành phố Tuy Hòa	Con thương binh		20.00	5.00		25.00	Không trúng tuyển	
9	TNMT.31	Phạm Thị Cẩm	Tú	19/04/1998	Quản lý môi trường	UBND thành phố Tuy Hòa			27.00			27.00	Không trúng tuyển	
	Vị trí Quản lý thông tin - truyền thông: 01 chỉ tiêu													
1	TTTT.01	Lê Kim	Ban	21/02/1984	Quản lý thông tin - truyền thông	UBND thành phố Tuy Hòa			50.00			50.00	Trúng tuyển	
	Vị trí Quản lý quy hoạch- kiến trúc: 01 chỉ tiêu													
1	XD.03	Nguyễn Lê Quỳnh	Ngân	05/01/1990	Quản lý quy hoạch- kiến trúc	UBND thành phố Tuy Hòa			35.00			35.00	Không trúng tuyển	
2	XD.04	Đỗ Anh	Nhật	18/05/1994	Quản lý quy hoạch- kiến trúc	UBND thành phố Tuy Hòa			60.00			60.00	Trúng tuyển	

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
3	XD.09	Lê Văn	Trình	01/10/1992	Quản lý quy hoạch- kiến trúc	UBND thành phố Tuy Hòa			18.00			18.00	Không trúng tuyển	
	Vị trí Quản lý giao thông vận tải: 01 chỉ tiêu													
1	GTVT.01	Nguyễn Thanh	Bình	02/01/1986	Quản lý giao thông vận tải	UBND thành phố Tuy Hòa			21.00			21.00	Không trúng tuyển	
2	GTVT.04	Huỳnh Thị Kim	Khuê	02/09/1996	Quản lý giao thông vận tải	UBND thành phố Tuy Hòa			74.00			74.00	Trúng tuyển	
3	GTVT.09	Trần Thị Kim	Thoa	17/01/1988	Quản lý giao thông vận tải	UBND thành phố Tuy Hòa			32.00			32.00	Không trúng tuyển	
	Vị trí Giải quyết khiếu nại tố cáo: 01 chỉ tiêu													
1	TTR.10	Bùi Vũ	Hà	06/08/2000	Giải quyết khiếu nại tố cáo	UBND thành phố Tuy Hòa			37.00			37.00	Không trúng tuyển	
2	TTR.13	Văn Thị Mỹ	Hạnh	19/12/1996	Giải quyết khiếu nại tố cáo	UBND thành phố Tuy Hòa			45.00			45.00	Không trúng tuyển	
3	TTR.19	Vô Thành	Khoa	12/01/1996	Giải quyết khiếu nại tố cáo	UBND thành phố Tuy Hòa		Cảnh cáo	54.00		27.00	27.00	Không trúng tuyển	
4	TTR.21	Lê Duy	Muu	06/08/1987	Giải quyết khiếu nại tố cáo	UBND thành phố Tuy Hòa						0.00	Không trúng tuyển	Vắng thi
5	TTR.44	Ngô Thị Minh	Trình	26/02/2000	Giải quyết khiếu nại tố cáo	UBND thành phố Tuy Hòa			33.00			33.00	Không trúng tuyển	
IV	UBND huyện Tây Hòa													
	Vị trí Quản lý CQĐP và công tác thanh niên: 01 chỉ tiêu													
1	NV.10	Phạm Vũ	Huy	30/10/1984	Quản lý CQĐP và công tác thanh niên	UBND huyện Tây Hòa			20.00			20.00	Không trúng tuyển	
2	NV.12	Huỳnh Thị Trúc	Ly	14/05/1994	Quản lý CQĐP và công tác thanh niên	UBND huyện Tây Hòa			42.00			42.00	Không trúng tuyển	
3	NV.23	Đỗ Thị Biền	Thùy	20/12/1985	Quản lý CQĐP và công tác thanh niên	UBND huyện Tây Hòa			35.00			35.00	Không trúng tuyển	
4	NV.25	Nguyễn Thị	Trang	15/01/1987	Quản lý CQĐP và công tác thanh niên	UBND huyện Tây Hòa			44.00			44.00	Không trúng tuyển	
5	NV.30	Nguyễn Thị Thảo	Vy	26/10/2000	Quản lý CQĐP và công tác thanh niên	UBND huyện Tây Hòa			28.00			28.00	Không trúng tuyển	
	Vị trí Quản lý tôn giáo: 01 chỉ tiêu													
1	NV.01	Trần Thiên	Ân	18/08/1987	Quản lý tôn giáo	UBND huyện Tây Hòa			60.00			60.00	Không trúng tuyển	
2	NV.15	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	20/10/1988	Quản lý tôn giáo	UBND huyện Tây Hòa			37.00			37.00	Không trúng tuyển	
3	NV.31	Nguyễn Thị Tuyết	Vy	18/10/1992	Quản lý tôn giáo	UBND huyện Tây Hòa			68.00			68.00	Trúng tuyển	
	Vị trí Thanh tra: 01 chỉ tiêu													
1	TTR.34	Dương Nhật	Thiên	27/08/1998	Thanh tra	UBND huyện Tây Hòa	Con thương binh		40.00	5.00		45.00	Không trúng tuyển	

[illegible]

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
1	LĐT BXH. 03	Nguyễn Tấn Nghĩa	Hiệp	03/08/1998	Phòng chống tệ nạn xã hội	UBND huyện Sơn Hòa			18.00			18.00	Không trúng tuyển	
2	LĐT BXH. 04	Ngô Thị Quỳnh	Hoa	10/01/1991	Phòng chống tệ nạn xã hội	UBND huyện Sơn Hòa			71.00			71.00	Trúng tuyển	
3	LĐT BXH. 12	Ksor Lê Minh	Oanh	28/06/1998	Phòng chống tệ nạn xã hội	UBND huyện Sơn Hòa	Người dân tộc thiểu số		28.00	5.00		33.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Quản lý Xây dựng: 01 chỉ tiêu														
1	XD.05	Nguyễn Hùng	Nhương	02/10/1994	Quản lý Xây dựng	UBND huyện Sơn Hòa			42.00			42.00	Không trúng tuyển	
VI UBND huyện Đồng Xuân														
Vị trí Hành chính tổng hợp: 01 chỉ tiêu														
1	HC.02	Huỳnh Xuân	Hương	21/03/1999	Hành chính tổng hợp	UBND huyện Đồng Xuân			14.00			14.00	Không trúng tuyển	
2	HC.05	Dương Thị Kim	Lý	20/01/1994	Hành chính tổng hợp	UBND huyện Đồng Xuân			26.00			26.00	Không trúng tuyển	
3	HC.07	Lê Thanh	Ngân	19/05/1999	Hành chính tổng hợp	UBND huyện Đồng Xuân			15.00			15.00	Không trúng tuyển	
4	HC.12	La Lan Thị	Thúy	07/08/1995	Hành chính tổng hợp	UBND huyện Đồng Xuân	Người dân tộc thiểu số		22.00	5.00		27.00	Không trúng tuyển	
5	HC.17	Lê Thị Ly	Vân	10/10/2000	Hành chính tổng hợp	UBND huyện Đồng Xuân			5.00			5.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Hành chính một cửa: 01 chỉ tiêu														
1	HC.01	Lê Nhật	Hoàng	13/06/1999	Hành chính một cửa	UBND huyện Đồng Xuân			14.00			14.00	Không trúng tuyển	
2	HC.13	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	04/07/1993	Hành chính một cửa	UBND huyện Đồng Xuân			51.00			51.00	Trúng tuyển	
Vị trí Quản lý Tài chính, ngân sách: 01 chỉ tiêu														
1	TC.07	Huỳnh Lê	Huy	11/01/1981	Quản lý Tài chính, ngân sách	UBND huyện Đồng Xuân			7.00			7.00	Không trúng tuyển	
2	TC.14	Tổng Thị Thúy	Ngân	13/10/2000	Quản lý Tài chính, ngân sách	UBND huyện Đồng Xuân			8.00			8.00	Không trúng tuyển	
3	TC.16	Bùi Quốc	Phong	04/10/1998	Quản lý Tài chính, ngân sách	UBND huyện Đồng Xuân			54.00			54.00	Không trúng tuyển	
4	TC.24	Nguyễn Thị	Thảo	16/07/1990	Quản lý Tài chính, ngân sách	UBND huyện Đồng Xuân			21.00			21.00	Không trúng tuyển	
5	TC.25	Nguyễn Thị Phương	Thảo	29/06/1999	Quản lý Tài chính, ngân sách	UBND huyện Đồng Xuân			39.00			39.00	Không trúng tuyển	
6	TC.27	Nguyễn Ngọc	Thị	22/12/1993	Quản lý Tài chính, ngân sách	UBND huyện Đồng Xuân			51.00			51.00	Không trúng tuyển	
7	TC.37	Trương Thị	Tiền	25/11/1996	Quản lý Tài chính, ngân sách	UBND huyện Đồng Xuân			56.00			56.00	Trúng tuyển	

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
8	TC.45	Ngô Thị	Út	10/02/1989	Quản lý Tài chính, ngân sách	UBND huyện Đồng Xuân			22.00			22.00	Không trúng tuyển	
9	TC.48	Võ Triệu Kiều	Vi	23/01/1998	Quản lý Tài chính, ngân sách	UBND huyện Đồng Xuân			42.00			42.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Quản lý giáo dục trung học cơ sở: 01 chỉ tiêu														
1	GĐĐT.03	Mai Hùng	Cường	25/09/1996	Quản lý giáo dục trung học cơ sở	UBND huyện Đồng Xuân			50.00			50.00	Không trúng tuyển	
2	GĐĐT.04	Võ Nguyễn Phương	Dung	12/03/1996	Quản lý giáo dục trung học cơ sở	UBND huyện Đồng Xuân			36.00			36.00	Không trúng tuyển	
3	GĐĐT.05	Võ Thị Mỹ	Hưng	20/12/1993	Quản lý giáo dục trung học cơ sở	UBND huyện Đồng Xuân			37.00			37.00	Không trúng tuyển	
4	GĐĐT.07	Huỳnh Xuân	Nghiêm	04/01/1989	Quản lý giáo dục trung học cơ sở	UBND huyện Đồng Xuân			75.00			75.00	Trúng tuyển	
Vị trí Quản lý giáo dục Mầm non: 01 chỉ tiêu														
1	GĐĐT.06	Nguyễn Thị Kim	Kha	11/01/1997	Quản lý giáo dục Mầm non	UBND huyện Đồng Xuân			57.00			57.00	Trúng tuyển	
2	GĐĐT.10	Đình Thanh	Thanh	08/06/1997	Quản lý giáo dục Mầm non	UBND huyện Đồng Xuân			33.00			33.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Quản lý về thủy lợi: 01 chỉ tiêu														
1	TL.02	Lê Bảo	Hưng	02/03/1984	Quản lý về thủy lợi	UBND huyện Đồng Xuân			50.00			50.00	Trúng tuyển	
2	TL.05	Nguyễn Hồng	Nho	18/02/1987	Quản lý về thủy lợi	UBND huyện Đồng Xuân			27.00			27.00	Không trúng tuyển	
3	TL.06	Huỳnh Như	Phúc	04/10/1994	Quản lý về thủy lợi	UBND huyện Đồng Xuân			9.00			9.00	Không trúng tuyển	
4	TL.08	Nguyễn Phùng	Tiến	31/08/1998	Quản lý về thủy lợi	UBND huyện Đồng Xuân			23.00			23.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Quản lý thương mại: 01 chỉ tiêu														
1	CT.05	Võ Thị Kim	Liên	10/02/1988	Quản lý thương mại	UBND huyện Đồng Xuân			20.00			20.00	Không trúng tuyển	
2	CT.07	Nguyễn Cẩm	Nguyên	03/09/1999	Quản lý thương mại	UBND huyện Đồng Xuân			25.00			25.00	Không trúng tuyển	
3	CT.08	Lê Thị Hồng	Nhung	09/04/1991	Quản lý thương mại	UBND huyện Đồng Xuân			80.00			80.00	Trúng tuyển	
4	CT.09	Trần Như	Quỳnh	20/01/1997	Quản lý thương mại	UBND huyện Đồng Xuân			20.00			20.00	Không trúng tuyển	
Vị trí Quản lý đất đai: 01 chỉ tiêu														
1	TNMT.05	Nguyễn Hồ Bảo	Huy	12/05/1994	Quản lý đất đai	UBND huyện Đồng Xuân			19.00			19.00	Không trúng tuyển	

TT	Số báo danh (bao gồm cả chữ và số)	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí việc làm cần tuyển	Cơ quan, đơn vị tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Vi phạm nội quy	Kết quả thi vòng 2	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
2	TNMT.30	Nguyễn Khắc	Trung	18/04/1989	Quản lý đất đai	UBND huyện Đồng Xuân		Khiển trách	18.00		4.50	13.50	Không trúng tuyển	
VI	UBND thị xã Đông Hòa													
	Vị trí Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 01 chỉ tiêu													
1	NV.05	Nguyễn Dương Thùy	Hân	20/01/1995	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	UBND thị xã Đông Hòa			15.00			15.00	Không trúng tuyển	
2	NV.07	Lê Minh	Hoàng	20/10/1992	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	UBND thị xã Đông Hòa	Người hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân		10.00	2.50		12.50	Không trúng tuyển	
3	NV.13	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	03/01/1995	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	UBND thị xã Đông Hòa	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự		17.00	2.50		19.50	Không trúng tuyển	
4	NV.16	Ngô Hồng	Quân	02/04/1999	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	UBND thị xã Đông Hòa			2.00			2.00	Không trúng tuyển	
5	NV.27	Nguyễn Thị	Tuyết	06/12/1995	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	UBND thị xã Đông Hòa			11.00			11.00	Không trúng tuyển	

Tổng cộng: Có 412 thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2. Kết quả có 81 thí sinh trúng tuyển./.